

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2022/DS-ST

Ngày: 11-7-2022

V/v “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H – BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Sự

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thanh Miện

Ông Lê Văn Đô

-Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện VKSND huyện H: Ông Nguyễn Văn Đông - Kiểm sát viên

Trong ngày 11/7/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 86/2022/TLST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2022/QĐXXST-DS ngày 16/6/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 77/2022/QSST-DSST ngày 30 tháng 6 năm 2022 giữa:

**Nguyên đơn: Bà Đàm Thị Th, sinh năm 1959 (có mặt)*

Nơi cư trú: Thôn H, xã B, huyện H, tỉnh Bắc Giang;

**Bị đơn: Anh Ngô Văn H, sinh năm 1991 (có mặt)*

Nơi cư trú: Thôn C(Hợp Vang cũ), xã B, huyện H, tỉnh Bắc Giang

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*

-Chị Lại Thị L, sinh năm 1995 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn C(Hợp Vang cũ), xã B, huyện H, tỉnh Bắc Giang

-Ông Bùi Văn Th, sinh năm 1952 (vắng mặt)

(Do bà Đàm Thị Th đại diện theo ủy quyền) (có mặt)

Nơi cư trú:Thôn H, xã B, huyện H, tỉnh Bắc Giang;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/3/2022, những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Đàm Thị Th trình bày: Do có mối quan hệ quen biết, nên 25 tháng 7 năm 2018 âm lịch (tức 01/9/2018 dương lịch) anh Nguyễn Văn Hải, sinh năm 1991; Trú tại thôn Cầu Trang, xã B, huyện H, tỉnh Bắc Giang đến nhà bà hỏi mượn số tiền 100.000.000 đồng, mục đích mượn để phát triển kinh tế gia đình, khi đó anh Hải mở quán hát và hàng ăn lẩu. Thời hạn vay là 03 tháng (01/12/2018 dương lịch) phải trả, lãi thỏa thuận bằng miệng mức lãi suất là 1.5%/tháng. Sau khi vay đến hạn trả thì anh Hải trả được cho gia đình bà số tiền 5.000.000 đồng tiền gốc, còn lãi thì chưa trả được ít nào. Bà xác định đây là tiền của vợ chồng bà và xác định là nợ chung của vợ chồng anh Hải, chị Liên.

Tại giấy biên nhận vay tiền ngày 25/7/2018 (tức 01/9/2018 dương lịch) bà xác định chữ viết tại giấy vay tiền và chữ ký tại mục người vay tiền “Ngô Văn H” là của anh Ngô Văn H viết và ký. Nay bà làm đơn khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh Hải, chị Liên phải trả cho vợ chồng bà số tiền gốc là 95.000.000 đồng và lãi tính 10%/ năm, tính từ tháng 01/12/2018 dương lịch cho đến ngày xét xử.

Tại phiên tòa bà Đàm Thị Th có mặt và vẫn giữ nguyên ý kiến của mình là yêu cầu vợ chồng anh Hải trả cho vợ chồng bà số tiền gốc là 95.000.000 đồng và lãi tính 10%/ năm, tính từ tháng 01/12/2018 dương lịch cho đến ngày xét xử.

* Bị đơn anh Ngô Văn H trình bày: Do có mối quan hệ hàng xóm nên ngày 25 tháng 7 năm 2018 âm lịch anh có vay vợ chồng bà Thân, ông Thi số tiền 100.000.000 đồng, mục đích mượn để phát triển kinh tế gia đình. Thời hạn vay là 03 tháng phải trả, lãi thỏa thuận bằng miệng mức lãi suất là 6 triệu đồng/tháng. Trong quá trình vay thì anh xác định đã trả được số tiền gốc là 5.000.000 đồng và đã trả được số tiền lãi được khoảng 1 năm, các lần trả lãi thì anh đều trả tiền mặt trực tiếp cho ông Thi, không có giấy tờ gì, sau đó do dịch bệnh, làm ăn không thuận lợi nên chậm trả tiền cho gia đình bà Thân, ông Thi. Anh xác định chữ viết tại giấy vay tiền và chữ ký phần người vay “ Ngô Văn H” là do anh viết và ký và anh xác định đây là khoản nợ riêng của cá nhân anh, không phải là nợ chung của vợ chồng.

Nay bà Thân có đơn khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh phải trả cho vợ chồng bà số tiền gốc là 95.000.000 đồng và lãi tính 10%/ năm, tính từ 01/12/2018 dương lịch cho đến ngày xét xử thì anh đồng ý trả số tiền gốc 95.000.000 đồng và xin trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng và 500.000 đồng tiền lãi hàng tháng tính từ tháng 6 năm 2022 trở đi cho đến khi trả hết nợ. Còn số tiền lãi tính 10%/ năm tính từ tháng 01/12/2018 dương lịch cho đến ngày xét xử thì anh xin được miễn do hiện nay hoàn cảnh gia đình anh rất khó khăn phải nuôi bố mẹ bệnh tật.

Tại phiên tòa anh Hải có mặt, anh xác định đã trả được 5.000.000 đồng tiền gốc và đã trả được khoảng 40.000.000 đồng tiền lãi, nhưng các lần trả đều đưa trực tiếp, không có giấy tờ gì chứng minh cho việc trả tiền. Anh đồng ý trả số tiền gốc 95.000.000 đồng và tiền lãi tính 10%/ năm, tính từ 01/12/2018 dương lịch cho đến ngày xét xử.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Bùi Văn Th trình bày: Do có mối quan hệ quen biết, nên ngày 25 tháng 7 năm 2018 âm lịch anh Ngô Văn H có hỏi vợ chồng ông mượn số tiền 100.000.000 đồng, mục đích mượn để phát triển kinh tế gia đình, khi đó anh Hải mở quán hát và hàng ăn lẩu. Thời hạn vay là 03 tháng phải trả, lãi thỏa thuận bằng miệng mức lãi suất là 1.5%/ tháng. Sau khi vay đến hạn trả thì anh Hải trả được 5.000.000 đồng tiền gốc, còn lãi thì chưa trả được ít nào. Nay ông xác định anh Hải và chị Liên còn nợ vợ chồng ông số tiền gốc là 95.000.000 đồng và lãi tính 10%/ năm tính từ tháng 01/12/2018 dương lịch cho đến ngày xét xử. Ông xác định chữ viết tại giấy vay tiền và chữ ký tại giấy biên nhận vay tiền ngày 25/7/2018 âm lịch (tức 01/9/2018 dương lịch) do anh Hải viết và ký. Nay ông yêu cầu vợ chồng anh Hải, chị Liên phải trả cho vợ chồng ông số tiền gốc là 95.000.000 đồng và lãi tính 10%/ năm tính từ 01/12/ 2018 dương lịch cho đến ngày xét xử. Vì lý do công việc nên ông ủy quyền cho bà Đàm Thị Th là vợ tham gia tố tụng tại Tòa án từ giai đoạn thụ lý đến khi kết thúc

vụ án, mọi quyết định của bà Thân là quyết định của ông và ông xin được vắng mặt khi xét xử. Tại phiên tòa ông Bùi Văn Th vắng mặt và ủy quyền cho bà Thân.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lại Thị L, mặc dù đã được Tòa án triệu tập lên làm việc hợp lệ, tuy nhiên chị không lên Tòa án làm việc và không có ý kiến gì. Tại phiên tòa chị Liên vắng mặt

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Áp dụng Điều 26; Điều 35; Điều 39; khoản 3 Điều 144, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 465; Điều 466; Điều 468; Điều 470 của Bộ luật dân sự; khoản 2- Điều 26 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Đàm Thị Th.

1. Buộc vợ chồng anh Ngô Văn H và chị Lại Thị L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng bà Đàm Thị Th và ông Bùi Văn Th số tiền gốc là 95.000.000 đồng và lãi tính từ 01/12/2018 dương lịch đến 11/7/2022 là 03 năm 7 tháng 10 ngày tổng là 34.308.000 đồng. Tổng cả gốc và lãi là 129.308.000 đồng.

2. Về án phí: Do đơn của bà Đàm Thị Th được chấp nhận nên anh Hải và chị Liên phải liên đới chịu 6.465.400 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và về thẩm quyền: Bà Đàm Thị Th khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh Hải, chị Liên trả số tiền vay 95.000.000 đồng và lãi 10% năm tính ngày 01/12/2018 dương lịch cho đến ngày xét xử, xác định là quan hệ tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản*" theo Điều 463 của Bộ luật dân sự và theo Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ giữa các bên là quan hệ giữa cá nhân với cá nhân. Bị đơn cư trú tại địa bàn huyện H, tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân huyện H thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị Lại Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2; ông Bùi Văn Th vắng mặt và có ủy quyền cho bà Đàm Thị Th và xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Lại Thị L và ông Bùi Văn Th là có căn cứ.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà Đàm Thị Th khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh Hải, chị Liên trả số tiền vay 95.000.000 đồng và lãi 10% năm tính ngày 01/12/2018 dương lịch cho đến ngày xét xử thì thấy: Theo lời trình bày của bà và các tài liệu có trong hồ sơ xác định 25/7/2018 (tức 01/9/2018 dương lịch) anh Ngô Văn H có vay của vợ chồng bà Thân số tiền 100.000.000 đồng, lãi thỏa thuận bằng miệng là 1,5%/ tháng nhưng không ghi vào giấy vay. Khi vay có viết giấy vay tiền, thời hạn vay là 03 tháng. Hai bên xác định anh Ngô Văn H đã trả được 5.000.000 đồng tiền gốc, còn nợ số tiền gốc là 95.000.000 đồng. Số tiền lãi thì bà Thân xác định anh Hải chưa trả được ít nào, anh Hải xác định trả được

khoảng 40.000.000 đồng nhưng không có chứng cứ chứng minh cho việc trả lãi của mình. Do vậy, nên không có căn cứ chấp nhận cho việc trả tiền của anh Hải. Như vậy, kể từ ngày vay đến nay anh Hải đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và chưa trả được tiền gốc và lãi nào cho vợ chồng bà Thân. Nay bà Thân có đơn khởi kiện là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[4] Về nghĩa vụ trả tiền thì thấy: Bà Thân, ông Thi đều xác định là nợ chung của vợ chồng anh Hải, chị Liên vì khi vay mục đích vay để kinh doanh, tại thời điểm anh vay, gia đình anh Hải kinh doanh hàng ăn và quán hát và bà xác định đây là tài sản chung của vợ chồng bà. Anh Ngô Văn H thì xác định là nợ riêng của cá nhân anh, nhưng anh xác khi vay định mục đích vay là để phát triển kinh tế gia đình và trong gia đình do anh làm chủ kinh tế trong gia đình. Do vậy, xác định đây là nợ chung của vợ chồng anh Hải, chị Liên. Buộc vợ chồng anh Hải, chị Liên phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho vợ chồng bà Thân, ông Thi là có căn cứ.

[5] Về lãi suất cho vay: Tại mã vay tiền đều có ghi thời hạn trả nợ, tuy không ghi lãi suất cụ thể nhưng các bên đều thừa nhận là vay có lãi. Như vậy, xác định là hợp đồng vay có thời hạn và có lãi. Trong quá trình làm việc tại Tòa án, bà Thân yêu cầu vợ chồng anh Hải, chị Liên trả lãi mức 10%/năm tính từ 01/12/2018 dương lịch cho đến ngày xét xử là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, thời gian tính lãi từ ngày 01/12/2018 dương lịch đến ngày 11/7/2022 là 03 năm 7 tháng 10 ngày là 34.308.000 đồng.

[6] Về lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Do các bên không thỏa thuận được nên lãi suất chậm trả được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà Đàm Thị Th được chấp nhận nên vợ chồng anh Hải, chị Liên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Đàm Thị Th được miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm do thuộc đối tượng người cao tuổi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26; Điều 35; Điều 39; khoản 3 Điều 144, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 465; Điều 466; Điều 468; Điều 470 của Bộ luật dân sự; khoản 2 - Điều 26 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đàm Thị Th.

Buộc vợ chồng anh Ngô Văn H và chị Lại Thị L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng bà Đàm Thị Th và ông Bùi Văn Th số tiền gốc là 95.000.000 đồng và lãi tính từ 01/12/2018 đến 11/7/2022 là 03 năm 7 tháng 10 ngày tổng là 34.308.000 đồng. Tổng cả gốc và lãi là 129.308.000 đồng.

2. Về án phí: Anh Ngô Văn H và chị Lại Thị L phải liên đới chịu 6.465.400 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Đàm Thị Th được miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm do thuộc đối tượng người cao tuổi.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

5. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Sự

